

Bản án số: 75/2026/DS-ST

Ngày 05/8/2026

“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - HẢI PHÒNG

- **Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hoài

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Mai Hoa và ông Nguyễn Quốc Nghị.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Vũ Đức Thiên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8- thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Quang Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân (viết tắt TAND) khu vực 8 - Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 265/2026/TLST-DS ngày 12/5/2026 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2026/QĐXXST - DS ngày 14/7/2026 và quyết định hoãn phiên tòa số 91/2026/QĐHPTST -DS ngày 27/7/2026 và số 97/2026/QĐHPTST-DS ngày 31/7/2026 của TAND khu vực 8 - Hải Phòng giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Cao Xuân T, sinh năm 1983; số căn cước công dân 030083026796, cấp ngày 05/01/2024. Cư trú tại: thôn H, phường A, thành phố Hải Phòng. (có mặt)

- Bị đơn: Anh Đào Duy Đ, sinh năm 1976; số căn cước công dân 030076012339, cấp ngày 09/8/2021 và chị Lê Thị L, sinh năm 1983; số căn

cước công dân 030183002440, cấp ngày 28/6/2021. Điều cư trú tại: **Thôn H, phường A, thành phố Hải Phòng.** (đều có mặt)

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị **Nguyễn Thị T1**, sinh năm 1992; số căn cước công dân 030192012949, cấp ngày 09/8/2021. Cư trú tại: **thôn H, phường A, thành phố Hải Phòng.**(có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai; nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều thống nhất trình bày: Ngày **22/3/2024**, vợ chồng anh chị **Thủy T2** cho vợ chồng anh chị **Đức L1** vay số tiền 800.000.000đ, thời hạn vay 01 tháng, lãi suất 1,5%/tháng, lãi không kỳ hạn 2%/năm, khi cần lấy tiền gốc báo trước 10 ngày; hai bên có làm giấy biên nhận có tiêu đề **giấy gửi tiền** có chữ ký của anh **Đ** và chị **L1**. Các bên thống nhất không yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết. Ngày **05/10/2024**, anh chị **Đức L1** đã trả số tiền gốc 50.000.000đ và 34.000.000đ tiền lãi, từ đó đến nay chưa trả tiền gốc, lãi. Đến hạn trả nợ anh chị Đức Len không trả; anh chị **Thủy T2** đã nhiều lần thông báo đòi nợ nhưng vẫn không trả vì vậy anh **T** đã khởi kiện đòi anh chị **Đức L1** phải trả số tiền gốc **750.000.000đ**, tiền lãi 1,5%/tháng tính từ **05/10/2024** đến ngày hai bên thống nhất chốt nợ ngày **08/7/2026** là **191.250.000đ**. Tổng số tiền gốc và lãi là **941.250.000đ**. Anh chị **Thủy T2** yêu cầu trả một lần; anh chị **Đức L1** đề nghị xin không trả lãi; số tiền gốc trả dần vì làm ăn khó khăn không thể trả một lần số tiền trên.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Các đương sự giữ nguyên ý kiến đã trình bày, thống nhất được số tiền nợ gốc và lãi theo biên bản chốt nợ ngày 08/7/2026.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) và các đương sự. Ý kiến về giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX: Căn cứ các Điều 463, 466; 470; 468, 469 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân

sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử: Buộc anh chị **Đào Duy Đ** và **Lê Thị L** trả anh chị **Cao Xuân T, Nguyễn Thị T1** số tiền gốc 750.000.000đ, tiền lãi 191.250.000đ. Tổng số tiền gốc, lãi phải trả là 941.250.000đ.

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành không thi hành số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự;

Về án phí: **Anh Đào Duy Đ** và chị **Lê Thị L** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả anh **Cao Xuân T** số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự (hợp đồng vay tài sản); bị đơn cư trú tại **Thôn H, phường A, thành phố Hải Phòng** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND khu vực 8 – Hải Phòng, theo khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS), Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân và Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh;

[2]. Xem xét, đánh giá đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Mặc dù giấy vay tiền có tiêu đề ghi **giấy gửi tiền** nhưng các bên thừa

nhận bản chất là **giấy vay tiền**; sau khi Tòa án thụ lý vụ án, các bên đã thống nhất chốt nợ ngày **08/7/2026** như sau: Anh chị **Đức L1** vay nợ anh chị Thủy **T1** số tiền gốc 750.000.000đ, tiền lãi 1,5%/tháng tính từ 05/10/2024 đến ngày 08/7/2026 số tiền lãi là 191.250.000đ. Tổng số tiền gốc và lãi là 941.250.000đ; việc thỏa thuận chốt nợ của các đương sự là tự nguyện, mức lãi suất thỏa thuận không vượt quá lãi suất quy định của Bộ luật dân sự. Do hai bên không thống nhất được phương thức trả nợ nên vụ án được đưa ra xét xử. Các đương sự đều thống nhất và công nhận nợ là tình tiết không phải chứng minh theo điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ chấp nhận.

[3]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466; 468, 469, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân và Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh;

[1]. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh **Cao Xuân T.**

[2]. Buộc anh **Đào Duy Đ** và chị **Lê Thị L** phải trả anh **Cao Xuân T** và chị **Nguyễn Thị T1** tổng số tiền gốc và lãi là **941.250.000đ** trong đó số tiền gốc **750.000.000đ**, tiền lãi là **191.250.000đ**.

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành không thi hành số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự;

[3]. Về án phí sơ thẩm dân sự: Trả lại anh **Cao Xuân T** số tiền tạm ứng án phí 19.300.000đ (*Mười chín triệu ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai ký hiệu số BLTU/26E, số 0005628 ngày 12/5/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Buộc anh **Đào Duy Đ** và chị **Lê Thị L** phải chịu số tiền 40.237.500đ (*Bốn mươi triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

[4]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 05/8/2026.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7A và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND KV 8- Hải Phòng;
- Phòng THADS KV 8- Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu VP;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Thu Hoài

